| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỎ CÀY BẮC**<br>TỈNH BẾN TRE | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2021.
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* ".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Bé Hồng.

2. Ông Vi Quốc Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc*** *tham gia phiên tòa:* Ông Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 288/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08/10/2020 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24a/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/4/2021. Giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thảo Q, sinh năm 1997 (có mặt).

Trú tại: ấp H, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn*: Anh Phan Nhựt T, sinh năm 1990 (có mặt).

Trú tại: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 01/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo Q trình bày: Chị Q và anh T do tự quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1 vào năm 2018. Sau khi kết hôn, chị và anh T sống chung với nhau ở nhà trọ do đi làm công nhân ở khu công nghiệp G thuộc huyện C, tỉnh Bến Tre và sống hạnh phúc cho đến khi chị Q mang thai thì mất hạnh phúc do vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc chi tiêu trong gia đình, anh T không chăm lo phát triển kinh tế gia đình, không có công việc ổn định, từ đó dẫn đến việc vợ chồng thường hay cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay, chị đã tự bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại ấp H, xã C,

huyện B, tỉnh Bến Tre từ khi chị sinh con cho đến nay. Thời gian ly thân, gia đình bên anh T có đến nhà cha mẹ ruột của chị để tạo điều kiện cho chị và anh T hàn gắn đoàn tụ nhưng anh T không có đến nhà gặp gỡ chị nên giữa chị và anh T vẫn không thể thỏa thuận hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Nay chị xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nữa, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Phan Nhựt N, sinh ngày 03/01/2019, từ nhỏ đến nay cháu Nam sống chung với chị Q tại ấp H, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng, chị có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, cụ thể: chị làm công nhân ở khu công nghiệp G có thu nhập ổn định để nuôi con, trung bình mỗi tháng là 5.500.000 đồng, chị có đủ tình thương của người mẹ và có đủ điều kiện để trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị Q không đồng ý cho anh T trực tiếp nuôi cháu N bởi vì từ nhỏ cháu sống chung với chị bên gia đình ngoại nên chị không muốn làm thay đổi về hoàn cảnh sống đối với cháu. Đối với việc thăm nom và rước con về nhà gia đình ruột anh T thì chị và cha mẹ ruột vẫn bảo đảm cho anh T được thăm nom và rước con thường xuyên, hoàn toàn không ngăn cản anh T trong việc thăm nom và rước con. Việc anh T cho rằng mẹ ruột chị ngăn cản anh T thăm nom con thì chị không nghe mẹ ruột chị kể lại sự việc này.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Phan Nhựt T trình bày: lời trình bày của chị Q về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống là đúng. Nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do chị Q không đồng ý về nhà cha mẹ ruột anh sinh sống mặc dù anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị Q vẫn cương quyết không đồng ý, vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc chi tiêu trong gia đình nên thường hay cãi vã nhau, hơn nữa sau khi ly thân, anh biết chị Q cũng có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác do anh đã thấy tin nhắn trên điện thoại của chị Q với người đàn ông khác. Vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay là đúng, chị Q đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại ấp H, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre từ khi chị Q sinh con cho đến nay. Thời gian ly thân, cha mẹ ruột của anh có đến nhà cha mẹ ruột chị Q để bàn bạc thỏa thuận tạo điều kiện cho anh và chị Q đoàn tụ nhưng chị Q vẫn không đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh. Nay chị Q xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ và thương con nên mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Phan Nhựt N, sinh ngày 03/01/2019, từ nhỏ đến nay cháu N sống chung với chị Q tại ấp H, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi ly hôn, anh cũng có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh có đủ điều kiện để nuôi con, cụ thể: anh làm bảo vệ ở ngân hàng Công thương Vietinbank chi nhánh huyện M nên có thu nhập ổn định để nuôi con, thu nhập trung bình mỗi tháng là 5.500.000 đồng. Mặc dù từ nhỏ cháu N sống chung bên gia đình chị Q cho đến nay nhưng anh không đồng ý cho chị Q nuôi

cháu N vì mẹ ruột chị Q mặc dù cho anh vào nhà thăm nom con nhưng chỉ cho anh thăm nom con thời gian ngắn nên đã có hành vi cản trở việc anh thăm nom con thường xuyên, anh không có trình báo sự việc này với chính quyền địa phương. Đối với việc thăm nom và rước con sau khi ly hôn thì anh và cha mẹ ruột cũng bảo đảm cho chị Q được thăm nom và rước con, hoàn toàn không ngăn cản chị Q trong việc thăm nom và rước con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thảo Q; về con chung: chị Nguyễn Thị Thảo Q được trực tiếp nuôi con chung là cháu Phan Nhựt N, sinh ngày 03/01/2019, hiện đang sống chung với chị Q; anh Phan Nhựt T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thảo Q và anh Phan Nhựt T trên cơ sở quen biết nhau trước nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1 vào năm 2018. Xét thấy, hôn nhân của chị Q và anh T đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị Q và anh T có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc chị Q xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Q cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng chị là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T; nguyên nhân chủ yếu chị yêu cầu ly hôn là do vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc chi tiêu trong gia đình, anh T không chăm lo phát triển kinh tế gia đình, không có công việc ổn định, từ đó dẫn đến việc vợ chồng thường hay cãi vã nhau. Phía anh T thì nại rằng: vợ chồng sống chung không có mâu thuẫn gì lớn, do chị Q không đồng ý về nhà cha mẹ ruột anh sinh sống mặc dù anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị Q vẫn cương quyết không đồng ý, vợ chồng có mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc chi tiêu trong gia đình nên thường hay cãi vã nhau, hơn nữa sau khi ly thân, anh biết chị Q cũng có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác do anh đã thấy tin nhắn trên điện thoại của chị Q với người đàn ông khác, riêng bản thân anh vẫn thường xuyên quan tâm chăm sóc cho vợ con; anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng không lớn, anh còn rất thương vợ, thương con nên không đồng ý ly

hôn. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành mời chị Q và anh T đến Tòa án để tiến hành hòa giải hôn nhân của anh chị nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn đoàn tụ với nhau nhưng anh chị vẫn không thỏa thuận được. Hơn nữa, chị Q và anh T cũng xác định trong thời gian ly thân gia đình bên anh T có đến nhà cha mẹ ruột của chị Q để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn đoàn tụ nhưng anh chị vẫn không thể thỏa thuận hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Tại phiên tòa, phía anh T cũng không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: anh chị là vợ chồng nhưng không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà lại bỏ mặc nhau, sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay và đã được gia đình hai bên nhắc nhở, hòa giải để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn đoàn tụ nhưng anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy: chị Q và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q là phù hợp.

[2] Về con chung: thời gian sống chung, chị Q và anh T có 01 con chung là cháu Phan Nhựt N, sinh ngày 03/01/2019. Sau khi ly hôn, cả chị Q và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào lời khai của chị Q và anh T có cơ sở xác định: từ nhỏ cháu N đã sống chung với chị Q tại nhà cha mẹ ruột của chị ở ấp H, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre cho đến nay; chị Q có công việc và mức thu nhập ổn định, chị Q cũng đảm bảo việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Hơn nữa, lý do anh T không đồng ý cho chị Q được trực tiếp nuôi con là vì anh cho rằng: mẹ ruột chị Q không tạo điều kiện cho anh thăm nom con nhưng chị Q không thừa nhận việc này; anh T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh mẹ ruột chị Q từng ngăn cản việc anh thăm nom con. Tại phiên tòa, chị Q khẳng định việc thăm nom và rước con sau khi ly hôn thì chị và cha mẹ ruột chị bảo đảm cho anh T được thăm nom và rước con, hoàn toàn không ngăn cản anh T trong việc thăm nom và rước con. Đồng thời, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: để đảm bảo quyền lợi cho sự phát triển về thể chất và sự phát triển tốt về tinh thần cho cháu N nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị Q được trực tiếp nuôi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Q, xét thấy: căn cứ vào khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác; Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con", do đó anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N là phù

hợp. Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng mà chị Q yêu cầu là 1.500.000 đồng mỗi tháng, xét thấy yêu cầu của chị Q là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, tại phiên tòa anh T xác định là từ khi chị Q sinh cháu N cho đến nay thì mỗi tháng anh đều gửi tiền cho chị Q để nuôi cháu N là 1.500.000 đồng do cháu N còn quá nhỏ, đồng thời căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh T là thu nhập trung bình 5.500.000 đồng mỗi tháng và nhu cầu thiết yếu của cháu N nên anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N mỗi tháng là 1.500.000 đồng (gần bằng 1/3 mức thu nhập của anh T) cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị Q và anh T đều trình bày là không có nên không đề cập.

[5] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Q phải chịu do chị Q yêu cầu ly hôn, án phí cấp dưỡng: anh T phải chịu do anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thảo Q. Chị Nguyễn Thị Thảo Q và anh Phan Nhựt T được ly hôn với nhau.

Về con chung: sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Thảo Q được trực tiếp nuôi con là cháu Phan Nhựt N, sinh ngày 03/01/2019; anh Phan Nhựt T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng: tính từ tháng 5 năm 2021 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: mỗi tháng cấp một lần.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chưa thi hành cho đến khi thi hành án xong.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy

định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Q và anh T đều trình bày là không có nên không đề cập.

Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thảo Q phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003655 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên chị không còn phải nộp thêm. Án phí cấp dưỡng: anh Phan Nhựt T phải nộp 300.000 đồng.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã T1;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Ngọc Đạt**